

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 08)

ISSN: 2734-9195 08:05 07/02/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 08.

1. Phẩm Tịnh hạnh

Tịnh là thanh tịnh. Thanh tịnh gì? Thanh tịnh thân, miệng, ý, ba nghiệp. Ba nghiệp thanh tịnh tức là Thánh nhân; ba nghiệp chẳng thanh tịnh tức là phàm phu. Ba nghiệp hợp với tiêu chuẩn tức là thiện, chẳng hợp tiêu chuẩn tức là ác. Trước hết nói về mười điều ác của ba nghiệp, ngược lại tức là mười điều thiện. Đây là mỗi Phật giáo đồ phải thấu hiểu mà gìn giữ, do đó "đừng làm các điều ác, hãy làm các điều lành".

1. Thân có ba điều ác: Giết hại, trộm cắp, tà dâm

Giết hại: Tức là sát sinh. Tại sao thế giới có chiến tranh? là vì giết hại quá nặng. Tàn sát với nhau, đời trước anh hại tôi, đời này tôi hại anh; báo ứng tuần hoàn, nhân quả chẳng sai. Người xưa nói:

*"Thiên bách niên lai oản lý canh
Oản thâm tợ hải hận nan bình
Dục tri thế thượng đao binh kiếp
Thả thính đồ môn dạ bán thanh".*

Tạm dịch: Ngàn xưa tới nay một nỗi canh. Oản sâu như biển hận khó tan. Muốn biết vì sao có chiến tranh. Hãy nghe lò thịt lúc nửa đêm.

Phật nói: "*Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có thể thành Phật*".

Như vậy nhìn lại, chúng ta sát hại một chúng sinh, đồng như sát hại một vị Phật. Cho nên Phật giáo cấm giới giết hại. Chẳng những cấm giới giết hại, mà còn cổ

lệ phóng sinh, vì chúng sinh đều là lục thân quyến thuộc trong quá khứ. Người người chẳng giết hại, người người chẳng ăn thịt, thì thế giới chắc chắn sẽ hòa bình. Người người hòa bình với nhau, từ bi đối đãi với nhau, tức là thế giới Cực Lạc ở nhân gian.

Trộm cắp: Phàm là chẳng nói mà lấy, gọi là trộm, chiếm lấy của cải là cắp. Người thời xưa liêm khiết, tức là: "*Một cọng cỏ không đem cho người, một cọng cỏ không lấy của người*". Đây là tự giữ liêm khiết, biểu hiện của thanh tịnh đàm bạc.

Tà dâm: Từ vô thủy kiếp đến nay, tâm dâm dục chẳng dễ gì thanh tịnh. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói: *Dâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất*. Nghĩa là: Tâm dâm chẳng trừ, thì chẳng ra khỏi trần lao. Nếu tâm dâm dục chẳng đoạn trừ, mà muốn tu hành, thì chẳng thể thành công. Giống như "*nấu cát làm cơm, chẳng có việc ấy*". Người tu hành nhất định phải thanh tâm quả dục, đoạn dục khử ái, mới nói đến chân chính thanh tịnh, ba nghiệp mới chẳng có lỗi lầm. Do đó: "*Thân không lỗi, miệng không lỗi, ý không lỗi*", đây là ba pháp ở trước trong mười tám pháp bất cộng.

2. Miệng có bốn điều ác: Tức là nói dối, thêu dệt, hai lưỡi, chửi mắng

Nói dối: Tức là nói lời không thật, chuyện không nói có, chuyện có nói không, hư vọng chẳng thật.

Thêu dệt: Tức là nói những lời chẳng thanh tịnh, thích nói chuyện nam nữ, có khi dùng miệng nói, có khi dùng bút biên, khiến cho người nghĩ tưởng mộng lung.

Chửi mắng: Tức là thích mắng người, mở miệng hại người, khiến cho người sinh phiền não. Hai lưỡi: Tức là làm cho ly gián, khiến cho hai bên hiểu lầm, chuyên môn làm chuyện thị phi, thì nhất định đọa vào địa ngục. Chúng ta tạo nghiệp ác, đa số là do khẩu nghiệp tạo ra. Do đó có câu: "*Bệnh từ khẩu nhập. Hoạ từ khẩu xuất*". Đây là lời nói rất chí lý, cũng là nói về kinh nghiệm.

3. Ý có ba nghiệp: Tức là tham, sân, si

Tham: Tức là tham dục. Tham chẳng biết chán, càng nhiều càng tốt, chẳng lúc nào biết đủ. Chẳng biết đủ thì thường lo sầu, biết đủ thì an vui. Người thế gian, chẳng phải tham danh lợi, thì tham ăn tham sắc. Ai cũng có ý đồ của họ, đây tức là tâm tham tác quái. Cuối cùng thì thân bại danh liệt, hoặc nước tan nhà

mất.

Sân: Tức là sân hận, cũng là nổi giận. Tham chẳng được thì nổi sân hận. Do đó có câu: *"Một niệm sân nổi lên. Tám vạn cửa chướng mở ra"*. Phải biết lửa lớn vô minh hay thiêu huỷ rừng công đức. Người tu hành, nên nhớ, không thể nổi giận, phải tu pháp môn nhẫn nhục. Nhẫn việc người không thể nhẫn được, đó mới là bốn phận của người tu hành.

Si: Tức là ngu si, tức cũng là si tâm vọng tưởng. Không nên vọng tưởng mà vọng tưởng, không đắc được mà muốn đắc được. Ví như người thích ngắm hoa thì hoa đẹp thường khiến mỗi sáng sớm đẹp. Người thích ngắm trăng thì nghĩ: *"Trăng sáng ngai gì đêm đêm tròn"*. Người thích uống rượu thì nghĩ: *"Hết thấy suối nước đều biến thành rượu"*. Người thích dùng tiền thì nghĩ: *"Ước gì lá trong rừng đều biến thành tiền"*. Đó đều là vọng tưởng của người ngu si. Trong văn Đại Sám Hối có nói: *"Thuở xưa tạo ra các nghiệp ác. Đều do vô thủy tham sân si. Từ miệng ý phát sinh ra. Tất cả con nay xin sám hối"*. Thành tâm sám hối, như thế thì ba nghiệp mới thanh tịnh. Do đó người tu hành, phải siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si, đây là pháp môn cơ bản. Hạnh là hành vi. Mỗi ngày phải phản tỉnh: Những việc làm trong một ngày có thanh tịnh chăng? Nếu thanh tịnh thì phải nỗ lực, khiến cho càng thanh tịnh. Nếu chẳng thanh tịnh thì phải sửa lỗi làm mới lại. Do đó, có câu:

*"Cấu nhật tân
Nhật nhật tân
Hựu nhật tân".*

Nghĩa là nói, nếu như hôm nay rửa cấu bẩn cho thanh tịnh, về sau ngày ngày phải rửa cho thanh tịnh, phải tiếp tục rửa cho thanh tịnh không ngừng nghỉ. Chẳng những thân thanh tịnh, mà tâm cũng phải thanh tịnh. Chúng ta người tu hành, phải khiến cho thân tâm chẳng có phiền não, tức cũng là ba nghiệp thanh tịnh. Tây Thiên Tổ thứ tư, tôn giả Ưu Ba Cúc Đa, sư phụ của Ngài dạy Ngài, mỗi ngày phản tỉnh, dùng đá nhỏ trắng đen để ghi dấu. Mỗi khi khởi một niệm ác, thì bỏ một hòn đá đen, mỗi khi khởi niệm thiện, thì bỏ một hòn đá trắng. Khi bắt đầu thì đen nhiều trắng ít, dần dần trắng đen bằng nhau, bảy ngày sau chỉ thấy toàn đá trắng, chẳng thấy đá đen. Đây là phương pháp tu hạnh thanh tịnh.

Phẩm Thanh Tịnh Hạnh này là pháp môn của Bồ Tát tu, cũng là pháp môn chúng ta tu hành giữ gìn. Ở trước nói về tín giải môn, bây giờ nói về hạnh chứng môn. Khi tin hiểu rồi mà chẳng tu hành, thì chẳng chứng quả. Phật giáo thì cung hành thực tiễn, lấy thân làm phép tắc. Phải thật sự y pháp tu hành. Biết bao nhiêu thì hành bấy nhiêu! Do đó: *"Biết hành hợp làm một"*, thân biết mới thật hành, thật hành mới thật biết. Người tu hành phải chú trọng về thực hành. Nếu

chú trọng về lý luận, thì dù nói được hoa trên trời rơi xuống, hoa sen dưới đất vọt lên, nhưng chẳng tu hành, thì cũng giống như nói các món ăn ngon mà không ăn, thì cuối cùng cũng chẳng được lợi ích gì.

2. Phương pháp hành đắc ba nghiệp thanh tịnh

1. Tất cả Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được thân ngữ ý nghiệp chẳng có lỗi lầm? Phải siêng tu giới định tuệ, thì thân ngữ ý nghiệp sẽ chẳng có lỗi lầm. Phải diệt trừ tham sân si, thì ba nghiệp sẽ thanh tịnh. Đây là phương pháp Bồ Tát đắc được thân, ngữ, ý, ba nghiệp chẳng có lỗi lầm.

2. Tất cả Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được thân ngữ, ý, nghiệp chẳng thương hại? Thì phải dùng kiên, thành, hằng, ba chữ để làm cơ sở, có tâm kiên cố, tâm thành thật, tâm thường hằng, chẳng bị ô nhiễm làm thương hại, thì thân ngữ ý nghiệp sẽ tự nhiên thanh tịnh. Khi Bồ Tát tu hành thì phải cẩn thận coi chừng, luôn luôn chú ý, không tạo tất cả điều ác, nguyện làm tất cả điều lành.

3. Tất cả Bồ Tát tu hành, thì làm thế nào để được thân ngữ ý không thể hủy phạm? Ở trên thương hại là ở ngoài đến phá hoại. Bây giờ hủy phạm là duyên bên trong phá hoại, khiến cho mình phạm giới ba nghiệp. Cho nên phải giữ gìn giới luật cho cẩn thận. Bằng không, phạm giới thì thân ngữ ý nghiệp sẽ chẳng thanh tịnh.

4. Tất cả Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được thân ngữ ý nghiệp không thể phá hoại? Tu ba nghiệp như kim cang, thì bất cứ cảnh giới nào, cũng không thể phá hoại được. Nghĩa là tu thiền định, có định rồi thì chẳng bị cảnh giới chuyển, mà chuyển được cảnh giới. Tóm lại, chẳng động tâm thì ba nghiệp sẽ thanh tịnh.

5. Tất cả Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được thân ngữ ý nghiệp chẳng thối chuyển? Bất cứ tu pháp môn gì, phải có thủy có chung, không thể giữa đường mà sinh tâm thối chuyển. Phải có tinh thần kiên nhẫn bất khuất, chẳng thối lùi mới có sự thành tựu. Có người phát tâm tu hành, chưa được mấy ngày thì sinh tâm thối chuyển.

6. Tất cả Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được thân ngữ ý không thể giao động? Tu ba nghiệp thành kiên cố, thì bất cứ cảnh giới gì đến, cũng không giao động, như vậy thì không thể tạo nghiệp ác.

7. Tất cả Bồ Tát tu hành, làm thế nào để đắc được thân ngữ ý thù thắng? Chẳng những chẳng tạo nghiệp ác, mà còn trở thành công đức thiện thù thắng, tức là làm nhiều việc có ích cho chúng sinh, tất cả đều vì chúng sinh, cho đến xả bỏ hạnh phúc của mình cũng chẳng tiếc.

8. Tất cả Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được thân ngữ ý nghiệp thanh tịnh? Trừ sạch tư tưởng nhiễm ô, thì đắc được nghiệp thanh tịnh. Tại sao chẳng thanh tịnh? Vì có dục niệm. Nếu đoạn dục khởi ái, thì ba nghiệp tự nhiên sẽ thanh tịnh.

9. Tất cả Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được thân ngữ ý nghiệp chẳng ô nhiễm? Con người từ vô thủy kiếp đến nay, vì ô nhiễm làm hại, cho nên thân, miệng, ý, chẳng thanh tịnh, ngày ngày hồ đồ, điên đảo, chẳng lúc nào thanh tịnh. Nếu tiêu diệt những tư tưởng chẳng chính đáng, thì tâm sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh rồi thì ba nghiệp chẳng ô nhiễm nữa.

10. Tất cả Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được thân ngữ ý nghiệp được trí tuệ dẫn đạo? Vì tạo nghiệp ác, nên trí tuệ chẳng hiện tiền, dùng tâm ngu si để làm chủ, cho nên thân ngữ ý nghiệp chẳng thanh tịnh. Nếu dùng trí huệ để dẫn đạo, thì sẽ đi trên con đường chân chính đại quang minh, ba nghiệp sẽ thanh tịnh.

3. Bốn thứ vô úy và Lực của Bồ tát

Bồ Tát có bốn thứ vô úy:

1. Tổng trì vô úy: Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Nơi pháp nhớ giữ mà chẳng quên, ở trong đại chúng thuyết pháp chẳng có sợ sệt.

2. Tri căn vô úy: Biết căn tính của chúng sinh, ở trong đại chúng thuyết pháp, chẳng có sợ sệt.

3. Quyết nghị vô úy: Khéo giải đáp vấn đề nghi vấn, phá tan pháp tà, ở trong đại chúng thuyết pháp chẳng có sợ sệt.

4. Đáp nạn vô úy: Vô lượng chúng sinh, đồng thời vấn nạn, theo đó giải đáp, khéo đoạn trừ nghi ngờ của đại chúng. Ở trong đại chúng nói pháp chẳng có sợ sệt.

Lực của Bồ tát

Lực tức là nhân duyên đủ đạo. Làm thế nào tu hành mới đủ đạo nhân duyên đó?

1. Bồ Tát tu hành, làm thế nào đắc được chủng tính? Trong Nhiếp luận có nói: “Đa văn luận tập, tính giải hợp một ở trong thức A Lại da”. Tất cả Thánh nhân, nhờ trí này làm nhân.

2. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để dục lạc thù thắng, đại bồ đề, và nhân duyên khởi hành?

3. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được sức phương tiện?

Phải y theo sáu thứ phương tiện mới thành tựu bi trí. Do đó “Bi trí song tu”, đây là pháp cơ bản tu hành. Sáu phương tiện tức là: Từ bi, không giận, không chấp, không kiêu, không ngã, không sợ. Thích diệu trí Phật. Không bỏ sinh tử. Luân hồi không nhiễm. Dừng mãnh tình tấn.

4. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được nhân duyên thiện hữu khuyến phát?

5. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được cảnh giới quán sát bi trí?

6. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được tín, tấn, niệm, định, tuệ, năm căn lực?

7. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được sức khéo về tuyển chọn quán sát tự tha, sự lý?

8. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được sức Xa ma tha, năng lực đình chỉ?

9. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được sức Tỳ Bát Xá Na, năng lực Quán?

10. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được sức tư duy đáng làm, không đáng làm?

Chỉ là chỉ tĩnh, quán là quán sát, hợp lại tức là chỉ quán. Chỉ là gì? Ngưng bật vô minh vọng tưởng, ngưng bật tâm dâm dục. Ngưng bật được thì sinh trí tuệ. Quán là gì? Quán sát có còn vô minh vọng tưởng chăng? Còn có tâm dâm dục chăng? Nếu có thì nhất định phải hàng phục nó.

Thư xưa có nói: Vạn vật tĩnh quán giai tự đắc, Tứ thời giai hưng dữ nhân đồng. Vạn vật phải tĩnh quán, tức là chỉ quán. Hay chỉ quán thì sẽ minh bạch đạo lý vạn sự vạn vật. Tức cũng là công phu ‘cách vật’ mà nhà nho nói. Cách vật là đạo lý cùng cứu sự vật, tức cũng là cách trừ vật dục của bạn, trở về trong tự tính. Hay cách trừ vật dục tức là trở về nguồn cội, rõ tâm thấy tính. Sinh ra trí tuệ thì mới tu hành. Nói cho dễ hiểu đây là công dụng của chỉ quán. Chỉ quán tức là tĩnh lự. Lúc ban đầu tu thì tĩnh là chỉ, lự là quán. Khi tu thành thì tĩnh là định, lự là tuệ.

4. Tu "Chỉ - Quán"

Tu chỉ quán là pháp môn của tông Thiên Thai; tu pháp môn thiền định là thiền tông. Kỳ thật, người tu hành đều phải tu hai pháp môn này. Bất quá hai tông này thiên trọng mà thôi. Tu chỉ quán, có thể khiến cho mạch máu ngừng lại, hơi thở ngừng lại, ý nghĩ ngừng lại, tri giác ngừng lại. Song, chẳng phải là người chết. Biết ngừng rồi mới có định. Định rồi mới vắng lặng. Lặng rồi sau mới an. An rồi sau mới nghỉ. Nghỉ rồi sau mới được. Được cái gì? Được minh bạch. Minh

bạch là ở trong sự quán sát sinh ra, tức cũng là ‘Tứ thời giai hưng dữ nhân đồng’. Tứ thời là bốn mùa xuân hạ thu đông. Giai hưng tức là sự khoái lạc cao hứng nhất. Sự việc này chẳng phải tự mình độc chiếm hưởng thụ, mà khoái lạc với hết thảy mọi người.

Người tu chỉ quán thì trước hết ngưng bật tất cả vọng tưởng tập khí, thì sẽ sinh ra trí tuệ. Biết tất cả pháp lành để quán sát tất cả sự vật, mới minh bạch được. Người minh bạch thì sẽ không làm việc điên đảo. Người xưa nói: ‘Biết đủ không nhục. Biết ngừng không nguy’. Phải biết đủ thì không bị khi nhục. Chẳng biết đủ thì sẽ sinh tâm tham.

Bất cứ làm việc gì, đều giữ quy cụ thì chẳng có nguy hiểm. Nếu chẳng biết đủ, chẳng biết dừng lại thì chịu nhục nhã và nguy hiểm. Người tu chỉ quán, trước hết phải dừng lại gốc tham, sau đó quán sát gốc tham có còn tồn tại chăng? Có sức lực chỉ quán rồi thì mới tu thiền định, mới có sở thành tựu. Chỉ tức là dừng làm các điều ác, quán tức là làm các điều lành. Chúng ta tu hành không cần biết quá nhiều. Biết nhiều thì chẳng tu hành, ngược lại lầm lẫn sự việc. Nếu dụng công phu thiền trên miệng lưỡi thì nói rất hay, nhưng hành chẳng ra gì, như vậy chẳng có ích gì. Giống như cây nở hoa mà chẳng kết trái, tuy nhiên hoa đẹp, nhưng chẳng kết trái thật, thì có ích gì?



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Pháp phương tiện khéo léo.

1. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được năm uẩn khéo léo? Năm uẩn tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ở trong Tâm Kinh có nói: *“Bồ Tát Quán Tự Tại, thực hành sâu vào Bát Nhã Ba la mật đa, thì thấu rõ năm uẩn đều không, qua khỏi*

tất cả khổ ách". Bồ Tát Quán Tự Tại là danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm. Chúng ta, chúng sinh đều là hóa thân của Bồ Tát Quán Tự Tại, mình phải hồi quang phản chiếu Quán Tự Tại, quán sát mình có tự tại hay chẳng? Tự tại tức là Bồ Tát, chẳng tự tại tức là phàm phu. Làm thế nào để được Quán Tự Tại? Phải nhìn xuyên thủng, phải buông xả, chẳng có mọi sự chấp trước, đó là tự tại. Nhìn chẳng xuyên thủng, buông chẳng được, chấp đông trước tây, đây là chẳng tự tại. Không tự tại thì chạy tán loạn, có lúc chạy đi lên trời, có lúc chạy xuống địa ngục, chạy vào chạy ra trong sáu nẻo luân hồi, chẳng tạm nghỉ. Muốn được tự tại thì phải tu pháp môn Bát Nhã Ba la mật đa. Có Đại trí tuệ rồi thì sẽ đến được bờ kia, mới chiếu thấu năm uẩn đều không. Lúc đó, *"Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc"*. *"Thọ chẳng khác không, không chẳng khác thọ. Thọ tức là không, không tức là thọ"*. Ba uẩn kia, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Dùng pháp môn phương tiện khéo léo, để nói rõ đạo lý năm uẩn đều không, khiến cho chúng sinh biết năm uẩn là không, chẳng thật có.

2. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được 18 giới khéo léo? 18 giới là sáu căn Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và sáu trần, Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cùng với sáu thức, sáu căn đối với sáu trần, ở giữa sinh ra sáu thức. Sáu căn sáu trần, khiến cho chúng ta khởi vọng tưởng. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân giác xúc, ý biết pháp, thì cảnh giới lay chuyển. Do đó có câu: *"Mắt thấy hình sắc trong chẳng có/ Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay"*. Có được công phu như thế, thì sẽ chuyển được cảnh giới, sẽ đắc được tự tại. Mắt chẳng bị sắc trần chuyển, thì chẳng tham trước sắc đẹp. Tai chẳng bị thanh trần chuyển, thì chẳng tham trước tiếng hay. Cho đến mũi lưỡi thân ý cũng lại như thế. Chứng được sơ quả A La Hán, gọi là "Nhập lưu"; nhập vào dòng Thánh nhân pháp tính, ngược lại dòng sáu trần phàm phu. Lúc đó, đối với sắc thanh hương vị xúc pháp chẳng giao động. Cho nên Cổ Đức nói: *'Suốt ngày ăn cơm, chưa ăn một hạt cơm. Suốt ngày mặc y, chưa mặc một sợi tơ'*. Đây là nói ăn cũng vô tâm, mặc cũng vô tâm, chẳng chấp trước ăn cơm mặc y phục, tức cũng là chẳng nhập vào cảnh giới sắc thanh hương vị xúc pháp.

3. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được 12 xứ khéo léo? 12 xứ là sáu căn và sáu trần. Nếu khéo léo vận dụng mười hai xứ để tu hành, thì chẳng bị sáu căn sáu trần làm lay chuyển, mà chuyển được sáu căn sáu trần, thì có thể trợ giúp thành tựu đạo nghiệp. Không thể lợi dụng nó, thì sẽ bị phá hoại đạo nghiệp. Giống như khéo dụng binh, thì bách chiến bách thắng, không khéo dụng binh thì bách chiến bách bại.

4. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được duyên khởi khéo léo? Nhân khởi của sự vật là duyên khởi. Khéo léo biết tất cả các pháp vốn là không, không vô sở hữu.

Lại biết giả danh là bất hoại. Tuy là giả danh thì không cần phá hoại nó, mà lưu trước phân biệt tất cả các pháp thật tướng. Bất cứ có nhân duyên gì sinh khởi, đều phải dùng pháp phương tiện khéo léo để diễn nói, khiến cho chúng sinh minh bạch đạo lý duyên khởi.

5. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được dục giới khéo léo? Dục giới có tham dục, dâm dục, sắc tướng, tâm thức. Dục giới có sáu cõi trời, trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại. Tất cả chúng sinh ở dục giới đều có tâm dâm dục. Nếu đoạn dục khử ái thì thoát khỏi ba cõi.

6. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được sắc giới khéo léo? Sắc giới có sắc tướng, tâm thức, tức cũng là thế giới có sắc có thể thấy. Sắc giới có mười tám cõi trời, trời Tứ Thiên, trời Vô Tướng, Trời Ngũ Bất Hoàn, đều tu tập thiền định. Dùng công phu thiền định cạn sâu làm thước đo, hoặc đi lên hoặc đi xuống.

7. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được vô sắc giới khéo léo? Vô sắc giới chỉ có tâm thức mà thôi. Nếu tư tưởng tâm thức đoạn trừ, thì thoát khỏi ba cõi, đến được địa vị Thánh nhân. Vô sắc giới có trời Tứ Không. Do đó: 'Ba cõi không an, như là nhà lửa'. Chúng ta người tu hành phải siêng tu giới định tuệ, tiêu diệt tham sân si, thì thoát khỏi nhà lửa, đạt được cõi Thường Tịch Quang.

Nghiệp sạch tình không, vắng sinh về cõi Cực Lạc, cùng tu với thiện nhân, cùng thành Phật, thừa nguyện trở lại, phổ độ chúng sinh, là khổ được vui, chấm dứt sinh tử.

8. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được quá khứ phương tiện? Quá khứ chư Phật cũng dùng pháp môn phương tiện khéo léo, để giáo hóa tất cả chúng sinh.

9. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được vị lai khéo léo? Vị lai chư Phật cũng dùng pháp môn phương tiện khéo léo, để giáo hóa tất cả chúng sinh.

10. Bồ Tát tu hành, làm thế nào để được hiện tại khéo léo? Hiện tại chư Phật cũng dùng pháp môn phương tiện khéo léo, để giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh bỏ mê về giác, cải tà theo chính, thoát khỏi ba cõi, sinh về Tịnh Độ.

5. Pháp "Đối trị"

Bồ thí đối trị xan tham. Trì giới đối trị hủy phạm. Nhẫn nhục đối trị sân hận. Tinh tấn đối trị giải đãi. Thiền định đối trị tán loạn. Trí tuệ đối trị ngu si. Bồ Tát đối trị với chúng sinh, trước hết phải hành bốn pháp nhiếp là Bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, khiến cho chúng sinh có hảo cảm. Và dùng từ, bi, hỷ, xả, bốn tâm vô

lượng để làm căn bản, mới lợi lạc chúng sinh.

1. Bồ Tát làm thế nào để viên mãn bố thí Ba la mật? Bố thí tiếng Phạn là Đàn, dịch ra là bố thí. Ba la mật là đến bờ kia, từ bờ sinh tử bên này, qua dòng sông phiền não, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Bố thí có ba thứ:

Tài thí: Tức là dùng tài vật để cứu giúp những người cần, chẳng phải nói bỏ tiền làm chùa mới có công đức. Bố thí phải ba luân thể không, mới gọi là thật bố thí. Ba luân thể không tức là: - Chẳng có người thí. - Chẳng có vật thí. - Chẳng có người nhận. Tóm lại, bố thí chẳng phải vì danh lợi, chẳng có ý đồ, mới có công đức. Tuy bố thí mà chẳng có tướng bố thí, hành sở vô sự. Đây là bố thí căn bản, cũng là biểu hiện khó làm mà làm được, khó xả mà xả được. Do đó, có câu:

*"Hữu tâm vi thiện, tuy thiện bất thường
Vô tâm vi ác, tuy ác bất phạt"*

Nghĩa là: "Làm thiện muốn người thấy, Chẳng phải là chân thiện. Làm ác sợ người biết, Thật là đại ác". "Làm thiện chẳng mong đền đáp, Tự nhiên mệnh ẩn thân thanh".

Đây là những câu khắc vào đá của người tu hành. Đức Phật xả bỏ vinh hoa phú quý, vợ đẹp con xinh, xuất gia tu hành, cuối cùng chứng quả thành Phật. Hành vi như thế mới là đại Trượng Phu, đại anh hùng, đại hào kiệt! Đây là hành vi hơn người, thành tựu đạo nghiệp, trở thành giáo chủ của Phật giáo. Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, tất cả đều xem là không, là giả, cho nên mới bố thí cho người.

Pháp thí: Tức là giảng Kinh thuyết pháp. Do đó: "*Trong các sự cúng dường. Cúng dường pháp là hơn hết*". Nếu có người muốn minh bạch Phật pháp, muốn tu hành Phật pháp, thì hãy đem hết sự hiểu biết của mình để chỉ dẫn họ, trợ giúp họ, khiến cho họ y pháp tu hành, cho đến thành Phật. Người này thành Phật là bạn trợ giúp họ thành Phật. Bạn trợ giúp người khác thành Phật, thì người khác cũng sẽ trợ giúp bạn thành Phật.

Vô úy thí: Tức là bố thí vô sở úy. Có người phát sinh sợ hãi, như lâm vào vực sâu núi thẳm, như đi trên băng mỏng, trên dưới chẳng yên, cần thiện tri thức để an ủi họ, khuyên họ một lòng một dạ niệm "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát", như vậy sẽ khiến cho tinh thần tập trung, một lòng mong cầu Bồ Tát bảo hộ, thì chẳng bị cảnh giới sợ hãi làm lay chuyển. Hoặc giảng cho họ nghe nhân quả của Phật giáo, nói về công lý xã hội. Hoặc dạy cho họ ngồi thiền tĩnh tọa, an định tâm của họ, như thế thì họ chẳng có sợ hãi nữa.

2. Bồ Tát làm thế nào để được viên mãn giới Ba la mật? Lúc Đức Phật sắp vào Niết Bàn thì Tôn giả A Nan hỏi Đức Phật bốn câu hỏi. Trong đó có một câu: "*Khi*

Phật còn ở đời, chúng con nương Phật làm thầy. Sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, chúng con nương ai làm thầy”? Phật nói: “Hãy lấy giới làm thầy”. Cho nên người xuất gia phải thọ giới, phải giữ giới. Giới là ngừa ác phòng quấy, do đó “Ác không ngừng thì thiện không sinh”. Tức cũng là đừng làm các điều ác, siêng làm các điều thiện. Pháp môn giữ giới là quan trọng nhất, bất cứ người nào không thể không giữ giới luật. Trừ khi đến được cảnh giới không nghĩ thiện, không nghĩ ác, thì miễn luận bàn. Ở trong Lục Tổ Đàn Kinh có nói: “Thiền Sư Huệ Minh thỉnh pháp Lục Tổ Đại Sư. Lục Tổ nói: Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính lúc đó bản lai diện mục của thượng tọa như thế nào? Ông biết chăng”? Huệ Minh Đại Sư nghe rồi liền khai ngộ.

3. Bồ Tát làm thế nào để được viên mãn nhãn nhục Ba la mật? Người tu hành phải học nhãn nhục. Nhãn khổ, nhãn vui, nhãn gió, nhãn mưa, nhãn nóng, nhãn lạnh, tất cả phải nhãn chịu; không nhãn được cũng phải nhãn. Chúng ta đối với pháp cũng phải nhãn, nghiên cứu Phật pháp, phải có tâm nhãn nạy. Phật pháp thâm sâu như biển cả. Nếu chuyên tâm nghiên cứu, thì sẽ thâm nhập Kinh tạng, trí tuệ như biển, đây là sự thuyết minh tốt nhất. Nhãn có nhiều thứ, một số nói, có sinh nhãn, pháp nhãn, vô sinh pháp nhãn, ba thứ. Thọ nhãn những gì họ khi nhục là sinh nhãn. Chịu đựng cảnh thiên nhiên là pháp nhãn. Bồ Tát mới tu đến vô sinh pháp nhãn, tứ là đoạn, thường, hai kiến chẳng còn; ngã, pháp, hai chấp chẳng sinh. Không thấy chút pháp sinh, không thấy chút pháp diệt, là vô sinh pháp nhãn.

Trong Kinh Kim Cang có nói:

*“Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bọt bóng
Như sương cũng như điện
Hãy nên quán như thế”*

Tất cả pháp tức là tất cả sự việc, tức cũng là tất cả cảnh giới. Mỗi ngày thường gặp, đều gọi là tất cả pháp. Lúc đó đối diện với hiện thực, thì sẽ nhận thức sự thật. Nhìn xuyên thủng, buông xả được, thì đắc được tự tại. Tất cả mọi sự việc trong trời đất đều như mộng, như huyễn, như bọt nước, như hình bóng, như sương, như điện. Nên quán tưởng như thế, thì chẳng còn chấp trước nữa. Tại sao hay khởi phiền não? Tức là vì ngu si. Nếu có trí tuệ, thì tuyệt đối chẳng khởi phiền não. Phiền não từ trong vô minh, làm thế nào mới không có vô minh? Thì phải tu giới định tuệ, có trí tuệ quang minh rồi, thì chiếu phá vô minh đen tối. Phiền não tức bồ đề, chuyển phiền não qua, tức là bồ đề. Hay dùng được tức là bồ đề, chẳng dùng được tức là phiền não.

Nếu như có người muốn minh bạch hết thấy tất cả chư Phật ba đời, thì hãy quán sát tình hình pháp giới, hết thấy tất cả sự vật, đều do tâm của mình tạo ra. Tâm mình có thể thành Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn. Tâm mình cũng có thể làm người trời, làm người đời, A Tu La, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Chúng sinh mười pháp giới này đều do tâm tạo ra. Tâm mình có thể làm Phật, lại có thể làm quỷ. Cho nên nói: *“Tất cả do tâm tạo”*. Tại sao Phật phải nói pháp? Vì muốn độ tất cả chúng sinh. Do đó: *“Phật nói tất cả pháp. Vì độ tất cả chúng sinh. Nếu chẳng có tất cả chúng sinh. Chẳng dùng tất cả pháp.”*

Cổ đức có nói: *“Vô tâm tức là đạo”*. Cảnh giới chân chính vô tâm, là: *“Trong quán tâm, tâm chẳng có/ Ngoài quán hình, hình chẳng có/ Xa quán vật, vật chẳng có”*.

Cả ba đều không, chỉ thấy không; quán không cũng không, không chẳng chỗ không. Lúc đó hoàn toàn vắng lặng, dục niệm có sinh chăng? Dục niệm chẳng sinh, tức là thật vắng lặng. Đây bất quá là một cảnh giới nhỏ trong quá trình tu hành mà thôi. Dần dần mới có thể đắc được cảnh giới nhĩ căn viên thông, sáu căn dụng với nhau, tức là sáu căn mỗi căn đều có sáu thứ tác dụng. Nhẫn nhục được thì trợ giúp cho tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Trong Kinh Pháp Hoa có nói: Bồ Tát Thường Bất Khinh thấy người thì lễ lạy, miệng còn nói: Tôi không dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật. Tuy nhiên lễ lạy người, song, Tỳ Kheo tăng thượng mạn đánh Ngài, mắng Ngài, Ngài cũng chẳng thay đổi.

4. Bồ Tát làm thế nào để được viên mãn tinh tấn Ba la mật? Tinh tấn tức là chẳng giải đãi. Có người biết tinh tấn là tốt mà vẫn giải đãi. Biết thời gian quý báu nhưng chẳng thương tiếc, đây là biết rõ mà cố phạm. Người xưa nói: *“Một tấc thời gian một tấc vàng, Tấc vàng khó mua tấc thời gian”*. Lại nói: *“Mất đi tấc vàng dễ được lại/ Thời gian qua rồi khó tìm lại”*.

Đây là những lời nói khuyên chúng ta khắc phục sự giải đãi. Lại nói: *“Một tấc thời gian, một mạng sống”*. Để một tấc thời gian trôi qua lãng phí, thì giảm đi một tấc mạng sống. Thơ xưa có nói: *“Đừng đợi đến già mới học đạo/ Mồ hoang đầy dẫy bọn trẻ măng”*. Đời người vô thường, chẳng biết lúc nào thì sẽ kết thúc mạng sống, cho nên phải kịp thời học Phật. Hôm nay biết Phật pháp, thì hôm nay học Phật Pháp, không thể đợi đến ngày mai. Đợi đến lúc chết thì cũng không thể học Phật pháp, thật đáng thương xót! Tinh tấn phải thân tinh tấn, tâm tinh tấn, ngày đêm sáu thời thường tinh tấn. Đức Phật trong quá khứ đứng ở trước Phật bảy ngày bảy đêm, mắt chẳng tạm rời, chiêm ngưỡng Phật, đó mới là chân tinh tấn.

5. Bồ Tát làm thế nào để được viên mãn thiền na Ba la mật? Thiền na dịch là tư duy tu, lại dịch là tĩnh lự. Do đó có câu: *“Vọng tưởng không sinh là thiền/ Ngồi*

thấy bản tính là định”. Ngồi thiền là đuổi vọng tưởng đi, ngồi lâu dần thì mới có thiền. Cổ đức nói: *“Ngồi lâu có thiền!”* Ngồi thiền chẳng sợ lưng ê, chẳng sợ chân đau, bất cứ đau như thế nào cũng phải nhẫn; đập phá cửa ải đau, thì chẳng còn đau nữa. Ngồi thiền sẽ có đủ thứ cảnh giới đến nhiều loạn, nhưng đừng sợ cảnh giới, phải hàng phục cảnh giới. Phương pháp ngồi thiền, nay lược nói sơ qua. Kỳ thật ngồi thiền chẳng có diệu pháp gì, tức là ngồi ngay ngắn, ngồi kiết già. Tư thế này chẳng dễ gì hôn trầm, trạo cử, còn có thể hàng ma, cho nên gọi là tư thế ngồi kim cang. Vì kiên cố cho nên chẳng dễ gì nghiêng ngã. Lúc ngồi thì quán mắt, mũi, miệng, thân tâm. Tại sao phải dùng phương pháp này? Khí huyết điều hòa thì trăm bệnh chẳng sinh. Công năng ngồi thiền có thể giảm bớt thời gian ngủ, ngủ bình thường cần tám tiếng, ngồi thiền chỉ cần bốn tiếng là đủ, mà tinh lực sung mãn, tinh thần sảng khoái.

6. Bồ Tát làm thế nào để viên mãn Bát Nhã Ba la mật? Bát Nhã dịch là trí tuệ. Tại sao chẳng dịch ra? vì có năm quy định chẳng dịch:

(1) Tôn trọng không dịch như Bát Nhã, Bồ Đề v.v... (2) Đa hàm không dịch như Bát Nhã, Tỳ Kheo v.v... (3) Thuận cổ không dịch như A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề .v.v... (4) Bí Mật không dịch như Chú ngữ. (5) Thử phương vô không dịch như Cây Diêm Phù Đề, quả Am ma la .v.v...

Bát Nhã có ba nghĩa:

Bát Nhã văn tự: Tức là văn tự Kinh điển. Dùng văn tự để nói rõ đạo lý quán chiếu và thực tướng.

Quán chiếu Bát Nhã: Có văn tự Kinh điển rồi, phải quán sát phải chiếu rõ, mới thấu hiểu chân thật nghĩa.

Thật tướng Bát Nhã: Thấu hiểu chân lý rồi mới biết các pháp thật tướng, tức cũng là vô tướng, vô tướng vô sở bất tướng. Tóm lại, vì có văn tự nên khởi quán chiếu, có quán chiếu rồi mới chứng nhập thật tướng.

Cho nên nói văn tự là công cụ, quán chiếu là thủ đoạn, thật tướng là mục đích. Cả ba hợp lại làm một thể.

7. Bồ Tát làm thế nào để được viên mãn từ? Từ là ban vui cho tất cả chúng sinh. Vì chúng sinh mà mưu phước lợi, tức là vô duyên đại từ. Chúng sinh chẳng có duyên cũng ban vui cho họ.

8. Bồ Tát làm thế nào để viên mãn bi? Là cứu những thống khổ của chúng sinh. Phải vì chúng sinh giải quyết khó khăn, tức là đồng thể đại bi, chẳng có kẻ oán người thân, xem như nhau. Phải có tư tưởng đồng cam cộng khổ với chúng sinh.

9. Bồ Tát làm thế nào để được viên mãn hỉ? Thấy chúng sinh có được may mắn và vui vẻ thì sinh tâm hoan hỉ, chẳng có vui tai mừng họa, cũng chẳng có tâm đố kỵ, chỉ có tâm vui vẻ, đó mới là hành vi của Bồ Tát.

10. Bồ Tát làm thế nào để được viên mãn xả? Xả bỏ từ, bi, hỉ, ba tâm, chẳng có tâm oán thân bình đẳng, cũng chẳng có tình cảm thương ghét. Tất cả đều chẳng chấp trước tướng, chẳng có tư tưởng ý đồ, do đó: *‘Thi ân bất cầu báo’*. Đây đều là biểu hiện của xả.

6. Tu hành và Tu tại gia

Tu hành như thế nào?

“Tâm bình thường là đạo”. Mỗi cử chỉ, hành động, lời nói, đều phải hòa bình, đừng sinh phiền não. Phải phát tâm bồ đề, phải có tâm lâu dài, như vậy thì sẽ thành tựu. Do đó: *“Phiền não tức bồ đề/ Sinh tử tức Niết Bàn”*.

Nếu chuyển được phiền não thì là bồ đề. Bất cứ là người xuất gia, hoặc tại gia, khi tu hành thì phải nhận thức cảnh giới, mới nhận nãi được. Cảnh giới thuận cũng đừng sinh tâm hoan hỉ, cảnh giới nghịch cũng đừng sinh tâm phiền não. Như thế thì phiền não sẽ biến thành bồ đề. Sinh tử tức Niết Bàn, cũng là đạo lý như thế. Chấp trước tức là sinh tử, chẳng chấp trước tức là Niết Bàn. Sinh tử thì khổ, Niết Bàn thì vui. Đạo lý này ai ai cũng biết, song, chẳng ai tu hành. Chẳng tu hành thì làm sao được là khổ được vui? Biết bờ này là khổ, bờ kia là vui, song, chẳng mượn pháp qua sông phiền não. Chỉ đứng bờ bên này mà nhìn bờ bên kia, như thế thì một chút lợi ích cũng chẳng có. Phải cước đạp thật địa mà tu hành, ngồi thuyền pháp bảo, bình an đến bờ Niết Bàn, hưởng thụ sự thanh lương của Thường Lạc Ngã Tịnh.

Bồ tát tu tại gia

Bồ Tát tại nhà, nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đều thấu rõ tính của nhà ở vốn là không. Nếu hay quán tưởng như thế thì chẳng bị nhà bức bách. Tất cả cứu kính đều là không. Minh bạch đạo lý này thì chẳng sinh phiền não, cũng chẳng vướng vào hàng ngày bận rộn, vì danh lợi bôn ba.

Bồ Tát tại gia, khi hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, cúng dường đến Phật, cha mẹ như Phật sống. Hộ dưỡng cha mẹ, giống như cúng dường chư Phật.

Bồ Tát tại gia, khi hội họp với vợ con, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, oán thân đều bình đẳng. Đối đãi người thù như người thân, lấy đức

báo oán, như thế thì hòa bình với nhau, vĩnh viễn là khỏi tham dục, chẳng có chấp trước.

Bồ Tát tại gia, nếu như được năm dục, tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ kỹ thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh dứt trừ mũi tên năm dục, đắc được khoái lạc rốt ráo an ổn. Cổ đức nói: “Tài sắc danh thực thù/ Địa ngục ngũ điều căn”. Người tham tài, người tham sắc, người tham ngủ, đều sẽ đi vào địa ngục. Nếu chẳng muốn đi vào địa ngục, thì phải kiểm trí tuệ, chặt đứt gốc năm dục. Đây là biện pháp cứu kính nhất. Bồ Tát tại gia, nếu đến chỗ tụ hội ca hát nhảy múa, hoặc chỗ diễn tấu âm nhạc, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh dùng Phật pháp để làm vui. Mỗi ngày lạy Phật tụng Kinh mới là khoái lạc chân chính. Phải biết sự ca hát nhảy múa là khoái lạc tạm thời, chẳng thật tại.

Bồ Tát tại gia, nếu như ở trong cung điện của vua, hoặc ở nhà bình dân, thì nên nguyện. Xin nguyện chúng sinh, đều nhập vào chỗ Thánh nhân ở, vĩnh viễn trừ khử tư tưởng và tâm dục chẳng chính đáng. Bồ Tát tại gia, khi đeo anh lạc, chuỗi đeo, làm bằng bảy báu, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, xả bỏ tất cả đồ nữ trang giả chẳng thật, mà đến nơi chân thật. Bồ Tát tại gia, khi đi lên lầu các, thì nên phát nguyện. Xin nguyện chúng sinh, lên lầu các chính pháp, thấu triệt tất cả chính pháp, tức cũng là Phật pháp.

Bồ Tát tại gia, nếu như khi có sự bố thí, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, tất cả đều xả được, không thể xả cũng phải xả. Hay bố thí như thế, thì trong tâm chẳng tham ái và chấp trước. Bồ Tát tại gia, khi đại chúng tụ lại một chỗ, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, xả bỏ tất cả pháp tụ tập, chẳng chấp trước nơi pháp, thì sẽ thành tựu Nhất thiết trí.

Bồ Tát tại gia, nếu lúc gặp hiểm nạn, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, toại tâm như ý, được đại tự tại, chẳng có tai nạn, làm gì cũng đều chẳng có chướng ngại. Vì mình gặp nạn, cho nên nguyện chúng sinh đừng có hiểm nạn, đây tức là phát tâm bồ đề.

Nguyện ở trên là Bồ Tát tại gia phát nguyện. Vì lợi ích tất cả chúng sinh mà phát nguyện, đây tức là đại bi tâm, phải có tư tưởng thương trời xót người. Người xuất gia càng phải có tâm thương xót, do đó có câu: “*Từ bi là gốc, phương tiện là cửa*”.

Khi bỏ nhà thế tục tu hành, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, xuất gia chẳng có chướng ngại gì hết. Tâm chẳng quái ngại, mà được giải thoát. Giải thoát sợi dây thừng năm dục trói buộc, liền đắc được tự do tự tại, vô cầu vô thúc, chẳng sầu chẳng lo.

Xuất gia có ba ý nghĩa:

1. Xuất nhà thế tục, tức là chặt đứt tình ái, nương tựa cửa Phật
2. Xuất nhà lá bối, tức là chứng đạo vô lậu, chẳng thọ luân hồi
3. Xuất nhà phiền não, tức là đoạn sinh các hoặc, trong tâm thanh tịnh

Đến chỗ xuất gia tu đạo, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, hay diễn nói đủ thứ Phật pháp, chẳng nói pháp bất chính, chẳng có tranh luận pháp. Do đó: *“Tranh là tâm hơn thua, Trái ngược lại với đạo, Sinh ra tâm bốn tướng, Làm sao được tam muội”!* Đây là vô tránh tam muội nói ở trong Kinh Kim Cang. Nếu đến chỗ thầy lớn ở, hoặc chỗ thầy nhỏ ở, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, khéo phụng sự Sư trưởng, khuyên tu tập tất cả pháp lành, chẳng tu tất cả pháp ác. Phải nghe, Thiện tri thức dạy bảo, chẳng nghe ác tri thức chỉ dạy.

Khi phát tâm xuất gia thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đắc được pháp chẳng thối chuyển là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, nên trong tâm chẳng có chướng ngại. Nghĩ muốn xuất gia, phải thỉnh cầu mình nhận thiện tri thức để chỉ bày đường chính, bằng không thì tu đuôi luyện mù, thủy chung chẳng đắc được lợi ích, mà còn dễ lâm vào đường tà. Khi cởi bỏ y phục thế tục, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, siêng tu giới định tuệ. Phải tài bồi căn lành, xả bỏ đi tất cả tội phạm chướng ngại sự tu đạo. Khi thế phát cạo đầu, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, vĩnh viễn lìa khỏi tất cả phiền não, tương lai đắc được an vui cứu kính tịch diệt. Tức cũng là bốn đức Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Khi khoác y cà sa lên, thì nên nguyện chúng sinh. Xin nguyện tất cả chúng sinh, tâm chẳng có ô nhiễm, tất cả đều thanh tịnh, đầy đủ chính đạo Đại Tiên. Y cà sa là y nhuộm sắc, là y ruộng phước người xuất gia mặc. Gồm có ba y là y năm điều, y bảy điều và y hai mươi lăm điều. Y năm điều là y mặc hàng ngày để làm việc. Y bảy điều là y tụ họp, nghe Kinh, sáng tối lên khóa lễ. Y hai mươi lăm điều là khi giảng Kinh thuyết pháp, truyền giới mới mặc. Xuất gia rồi chỉ có ba y, một bình bát, một tọa cụ thường chẳng lìa thân, đây tức là giữ giới. Người xuất gia gọi là truy y, người tại gia gọi là bạch y. Y của người xuất gia mặc đều phải nhuộm màu, còn y của người tại gia mặc không cần nhuộm màu, đa số là màu trắng, cho nên gọi là bạch y.

Khi chân chính xuất gia thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đồng xuất gia với Phật, cứu hộ tất cả chúng sinh. Khi về nương mười phương ba đời tất cả chư Phật, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, khiến

cho giống Phật chẳng dứt tuyệt, tức cũng là thể giải đại đạo, phát tâm vô thượng. Khi quy y tất cả tôn pháp, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, vào sâu Tạng Kinh, đắc được trí tuệ thâm sâu như biển cả. Khi quy y tất cả Hiền Thánh Tăng thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, suốt lãnh tất cả đại chúng, tu hành tất cả Pháp chẳng có chướng ngại. Tam quy y là tuyên thệ bước đầu của Phật giáo đổ vào cửa Phật, là nghi thức rất quan trọng. Câu thứ nhất của Chú Đại Bi là: "*Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia*", dịch là quy y mười phương thường trụ Tam Bảo.

Câu đầu tiên trong Chú Lăng Nghiêm là: "*Nam Mô Tát Đất Tha Tô Già Đa Gia. A La Ha Đế Tam Miệu Tam Bồ Đà Tỏa*", dịch là quy y mười phương vô tận, vô tận thường trụ Tam Bảo.

Khi thọ học giới thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, khéo học tập giới luật. Giới là ngừa ác phòng trái, không làm tất cả điều ác, mà làm tất cả điều lành. Phải minh bạch giới pháp, giới thể, giới tướng, giới hạnh, thâm nhập pháp môn giới luật, thấu rõ ý nghĩa của giới. Giới là phòng ngừa tội lỗi của thân tâm, cho nên Sa Di thọ mười giới. Tỳ Kheo thọ hai trăm năm mươi giới. Tỳ Kheo Ni thọ ba trăm bốn mươi tám giới, và còn có Bồ Tát giới, mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, còn có năm mươi ba tiểu chú.

Khi thọ A Xà Lê răn dạy, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, y nguyện khởi hành, phải đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh. Bất cứ làm gì, đều phải chân thật, không hư ngụy, bằng không thì phạm giới. Tỳ Kheo xuất gia phải đầy đủ oai nghi, khiến cho người thấy mà sinh niềm tin. Oai nghi của người xuất gia đại biểu sự trang nghiêm của Phật giáo. Không những người xuất gia phải có oai nghi, mà người tại gia cũng phải có oai nghi. Vì người cư sĩ là ngoại hộ của Phật giáo. Cư sĩ phải có oai nghi tốt, hành vi tốt, lời nói hành động đều làm gương cho mọi người. Người không tin Phật, thấy bạn "lời nói trung tín, đi đứng chỉnh tề", thì thọ ảnh hưởng của bạn mà tin Phật. Cho nên oai nghi là sự tu trì rất quan trọng.

Khi thọ Hoà Thượng răn dạy, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đắc được trí tuệ vô sinh, đạt đến chỗ vô y. Tức là cường bất tứ, tinh tấn lại tinh tấn, chẳng tạo tất cả ác nghiệp, chẳng sinh tâm ý lại. Đừng có cho rằng quy y Tam Bảo rồi, thì chẳng còn đọa vào ba đường ác nữa. "Hoà thượng" nghĩa là hòa, là lục hòa, thượng là cao thượng. Thanh cao nhân phẩm, nhân cách viên mãn, cho nên gọi là Hoà Thượng, biểu thị sự tôn kính. Trước kia ở trong đại tùng lâm chỉ có phương trượng, hay trú trì, mới có thể gọi là đại Hoà Thượng, về già gọi là Lão Hoà Thượng. Một số người xuất gia gọi là Pháp Sư.

Lục hòa

Lục hòa tức là: 1. Thân hòa đồng trụ. 2. Khẩu hòa vô tranh. 3. Ý hòa đồng duyệt. 4. Giới hòa đồng tu. 5. Kiến hòa đồng giải. 6. Lợi hòa đồng quân.

Người xuất gia là đoàn thể sinh hoạt, mọi người tụ lại một chỗ, đều là có nhân duyên, cho nên phải hòa mục tương xử, đừng sinh thị phi, cùng nhau nhường nhịn, thì có trợ giúp rất lớn cho đạo nghiệp. Nên nhớ! Không thể sinh tâm đố kỵ, chướng ngại người khác tu đạo. Có tư tưởng như thế thì sẽ đọa địa ngục, chẳng có tư hào nghi vấn gì.

Khi thọ giới cụ túc thì hãy phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh đầy đủ tất cả pháp phương tiện, đắc được pháp thù thắng nhất. Pháp phương tiện tức là vì giáo hóa chúng sinh mà chẳng xả bỏ sinh tử. Thường du hí ở trong chúng sinh mà chẳng bị nhiễm ô. Tức cũng là từ bi hộ niệm tất cả chúng sinh, khéo giáo hóa tất cả chúng sinh. Do đó: *“Phương tiện có nhiều cửa/ Về nguồn chẳng hai nẻo”*. Bất cứ tu hành pháp môn nào, khi công đức viên mãn đều có thể thành Phật. Ở trên là 15 nguyện, là phát nguyện khi xuất gia. Người xuất gia nhìn thấu pháp thế gian là khổ, không, vô thường, vô ngã, hư vọng chẳng thật. Chỉ có pháp xuất thế là thường, lạc, ngã, tịnh, mới là chân thật không hư.

Nếu như vào giảng đường hoặc phòng ốc, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, thăng lên pháp đường vô thượng. Tức là đắc được vị vô thượng chính đẳng chính giác, an trụ như như bất động, liễu liễu thường minh. Như như bất động là đốn, liễu liễu thường minh là tuệ, phải an trụ trong cảnh giới đốn tuệ viên minh.

Nếu như bố trí sắp đặt nơi ở, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, mở bày pháp lành, khiến cho tất cả chúng sinh thấy được tướng chân thật, tức cũng là thật tướng. Đừng chấp trước tướng, tướng từ tâm vọng sinh ra, chẳng chấp thì không, cho nên là thật tướng. Lại có thể nói chẳng có bốn tướng, hai chấp, là thật tướng.

Khi ngồi thiền ngay thẳng, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, ngồi nơi tòa giác ngộ, trong tâm chẳng có chấp trước tất cả cảnh giới. Khi ngồi thiền phải ngồi thẳng ngay ngắn. Do đó: *“ngồi như chung”*, ngồi vững như đại hồng chung, chẳng ngã về trước, chẳng ngã về sau, như như bất động. Vọng tưởng không sinh, thì trí tuệ tự nhiên sẽ hiện tiền. Nếu có cảnh giới hiện tiền, thì bất cứ là cảnh giới thiện, hoặc cảnh giới ác, đều đừng động tâm. Do đó: *“Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác”*.

Đây tức là biểu hiện không động tâm. Tu đạo tức là tu định lực, chẳng vì cảnh giới làm lay chuyển, mà chuyển được cảnh giới. Tức cũng là cảnh giới không tốt, chuyển thành cảnh giới tốt. Làm thế nào chuyển thành tốt được? Phải phát nguyện. Vì pháp giới chúng sinh mà phát nguyện. Xin nguyện cho họ phát bồ đề tâm, tu đạo vô thượng, sớm chứng Phật quả. Tại sao hay hiện cảnh giới thiện? Vì thuở xưa sinh niệm thiện. Nếu sinh niệm ác, thì đời này sẽ hiện cảnh giới ác. Cho nên người tu hành, ngàn vạn đừng khởi vọng tưởng. Khởi vọng tưởng gì, thì sẽ hiện cảnh giới đó. Do đó: Một niệm không sinh, thì toàn thể đại dụng, Phật tính vốn có đều hiện tiền. Một niệm không sinh, thì vọng tưởng gì cũng chẳng có.

Khi ngồi kiết già, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, căn lành vững chắc, đắc được bất động. Tức cũng là chẳng thay đổi sự tu hành. Khi Phật Bồ tát hiện tướng ngồi thiền định, thì đều ngồi tư thế kiết già, tức cũng là tòa bồ đề.

Khi tu hành thiền định, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, dùng định lực để hàng phục tâm, mới hết dư tập. Tức cũng là chẳng còn tập khí ma phiền nữa. Khi tính định thì mới hàng phục được thiên ma ngoại đạo, ngày ngày đều an vui. Nếu chẳng khởi vọng tưởng thì đến đâu cũng đều an ổn, tuyệt chẳng có phiền não. Nếu như khi tu hành chỉ quán, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh thấy được lý chân thật, vĩnh viễn không tranh. Khi xả kiết già, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, quán sát các pháp hành vô thường. Phàm là pháp do nhân duyên sinh ra đều là vô thường, cứu kính đều quy về tan hoại diệt vong.

Bảy nguyện ở trên là nguyện phát ra khi ngồi thiền quán. Phát nguyện mới sinh tâm bồ đề, mới có thể giáo hóa chúng sinh, mới có từ bi hỷ xả bốn tâm vô lượng, để phổ độ chúng sinh.

Khi ngồi thiền xong, cất chân xuống thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, tâm được giải thoát, chứng tự tại, chẳng có chấp trước. Trụ ở trong định an ổn, đi đứng nằm ngồi tâm chẳng lay động. Chẳng động tức là chẳng khởi vọng tưởng, chẳng khởi niệm tà.

Nếu như khi cất chân lên, đi thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đều thoát khỏi biển khổ sinh tử, đầy đủ tất cả pháp lành. Tức cũng là pháp năm giới, mười giới, ba học, sáu độ v.v... Khi xuống giường thì nên niệm: *“Từ sáng sớm cho đến tối/ Tất cả chúng sinh tự vệ hộ/ Nếu lỡ mất mạng dưới chân tôi/ Nguyện lập tức sinh về tịnh độ”*. Cho nên Tỳ Kheo đi đường, chẳng đạp lên cỏ xanh, sợ rằng dẫm đạp lên chúng sinh, đây là biểu hiện thương xót chúng sinh.

Khi mặc quần thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, bảo vệ căn lành của mình, mới đầy đủ sự hổ thẹn. Hổ là mình chẳng làm ác, thẹn là chẳng kêu họ làm. Nếu chẳng mặc quần thì chẳng biết hổ thẹn. Khi cột y áo, đều phải ngay ngắn, sạch sẽ mới hợp với oai nghi. Khiến cho người thấy mà sinh cung kính. Lúc này cũng phải phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đều kiểm thảo căn lành của mình gieo trồng có tăng trưởng hay không, đừng làm cho nó mất đi. Khi mặc áo trên thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, được căn lành thù thắng. Tu sáu độ viên mãn, thì đến được bờ Niết Bàn bên kia.

Khi mặc đại y Cà sa, thì nên phát nguyện. Nguyện tất cả chúng sinh, đều vào quả vị Phật, chúng được pháp bất động, tức cũng là định, mà trụ ở Tịnh Độ Thường Tịch Quang. Sáu nguyện ở trên là nguyện phát ra khi mặc y phục. Người xuất gia mặc y áo chỉnh tề, phải sạch sẽ. Vì đó là đại biểu cho Phật giáo, nên thời khắc phải chú ý, đừng để mất oai nghi. Không mặc đồ lờ lợt, hoa hòe, mà giữ trung đạo. Khiến cho người sinh tâm kính trọng, như vậy mới chẳng mất giá trị của Tỳ Kheo.

Khi tay cầm cành dương liễu, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đều đắc được pháp không thể nghĩ bàn, tương lai đắc được thanh tịnh. Cành dương hay khiến cho chúng sinh cầu bản tiêu trừ, rốt ráo thanh tịnh. Cành dương có năm ý nghĩa:

1. Mắt sáng. 2. Trừ đàm. 3. Trừ miệng hôi hám. 4. Biện vị. 5. Tiêu thực.

Vì cành dương có tính đắng, cho nên có tác dụng tiêu đàm. Dương có bốn thứ: Dương nước, dương trắng, dương đỏ, và dương vàng. Hiện tại dùng cành dương, đa số là dương liễu, còn gọi là tiểu dương. Hay bố thí thì chẳng trộm cắp, cho nên không tham lam. Hay từ bi thì chẳng giết hại, cho nên không sân. Có trí tuệ thì chẳng mê, cho nên không si. Do đó, trong Kinh Niết Bàn có nói: *“Trong các thứ độc, chẳng gì hơn ba độc này”*. Ba độc này có thể hại pháp thân.

Nếu như lúc thấy con đường chính trực thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, tâm họ chính trực, chẳng có xiểm nịnh, chẳng có dối trá. Đó là tác phong những người quân tử. Một số người đều có tâm nịnh người giàu khinh kẻ nghèo, thấy người có tiền có thế thì chuyên nói những lời tâng bốc. Thái độ như thế thật là hổ thẹn! Thấy những người nghèo không thế lực thì kiêu ngạo, hành vi như thế thật là đáng ghét! Người chính trực, tuyệt đối chẳng có tư tưởng như thế.

7. Kinh thuyết hạnh đầu đà, khổ hạnh.

Đầu đà dịch là "đầu số", tức là phát khởi tinh thần, khắc phục khó khăn. Tức cũng là luôn tinh tấn chẳng ngừng nghỉ. Đầu đà có mười hai thứ:

1. Ở nơi A Lan Nhã: Tức là nơi vắng lặng, yên tĩnh, xa chỗ ồn ào.
2. Thường đi khát thực: Chẳng ăn thức ăn của Tăng đoàn.
3. Khất thực thứ lớp: Chẳng lựa nhà giàu nghèo.
4. Ngày ăn một bữa: Chỉ ăn một bữa vào giờ Ngọ, quá Ngọ không ăn.
5. Ăn có tiết lượng: Chỉ thọ một bát cơm.
6. Quá Ngọ chẳng uống nước có chất bổ: Quá Ngọ chẳng uống sữa, mật.
7. Mặc y phẩn tảo: Lượm vải người bỏ, nhuộm may y mặc.
8. Chỉ có ba y: Tức là y năm điều, y bảy điều và y hai mươi lăm điều.
9. Ngồi chỗ mồ mả: Ở chỗ mồ mả.
10. Đêm nghỉ dưới gốc cây: Ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây, nhưng chẳng quá ba đêm.
11. Ngồi ở giữa trời: Ngồi nơi lộ thiên, chẳng sợ gió thổi, nắng nóng.
12. Thường ngồi không nằm: Tức là đêm ngủ ngồi chẳng nằm ra, ngồi kiết già mà ngủ.

Khi thấy người chấp trước khoái lạc, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, dùng pháp để làm vui, tức cũng là lạy Phật, bái sám, niệm Phật, tụng Kinh, trì chú, ngồi thiền .v.v... hoan hỷ pháp vui mà chẳng xả bỏ, như vậy mới phá trừ chấp vui. Khi thấy người chẳng có chấp vui, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, ở trong việc có hình, có tướng, thì trong tâm chẳng có tham trước bất cứ cảnh giới gì. Khi thấy người hoan hỷ khoái lạc, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, thường được an ổn khoái lạc. Làm sao đắc được? Trước hết phải biết đủ, sau phải nhẫn nại. Do đó có câu: "Biết đủ an vui/ Nhẫn nại bình yên". Phải hoan hỷ cúng dường chư Phật.

Khi thấy người thống khổ phiền não, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đắc được trí tuệ căn bản, để diệt trừ tất cả khổ não. Tại sao lại có khổ? Vì chẳng có trí tuệ. Đối với sự việc nhìn chẳng rõ, hoặc chẳng nhận thức, thì sẽ sinh ra khổ não. Người có trí tuệ thì nhìn xuyên thấu tất cả, buông xả được, sẽ đắc được tự tại. Tự tại tức là khoái lạc. Vì thế giới này là thế giới vạn khổ thiêu đốt, vạn ác đầy dẫy, cho nên ai ai cũng có khổ não. Làm thế nào để

chẳng còn khổ não? Thì phải siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si.

Khi thấy người chẳng có tật bệnh, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đắc được trí tuệ chân thật, vĩnh viễn chẳng có bệnh tật phiền não. Khi thấy người có bệnh tật, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, phải biết thân thể là do bốn đại, đất nước gió lửa, giả hợp mà thành, vốn là không tịch, đừng chấp trước thân thể này. Khi bốn đại này phân tán, thì chẳng còn gì nữa. Hiện tại là “mượn giả tu chân”, nghĩa là tu pháp thân chân như. Tức nhiên biết thân thể là không tịch, thì nên lìa khỏi pháp tranh luận, nghĩa là đừng tranh với người, đừng tranh với đời, đặt đến cảnh giới tam muội không tranh. Khi thấy người ngũ quan xinh đẹp, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, ở trước Phật Bồ Tát, phải thường có tâm tin thanh tịnh, không thể sinh tâm hoài nghi, hoặc tâm phỉ báng. Người ngũ quan đoan chính, là do thuở xưa hoan hỷ cúng dường chư Phật. Trong Kinh Nhân Quả có nói: “Đời này xinh đẹp sắc mặt tốt/ Đời trước hương hoa cúng trước Phật”. Trong bốn Kinh này có nói: “Tin là nguồn đạo mẹ công đức/ Dưỡng lớn tất cả các pháp lành”. Lại nói: “Phật pháp như biển cả/ Chỉ tin mới vào được”. Cho nên nghiên cứu Phật pháp, phải có tín, giải, hành, chứng, bốn giai đoạn, mới có sở thành tựu.

Khi thấy người ngũ quan xấu xí, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đối với việc chẳng lành, thì đừng sinh tâm vui chấp, nên xa lìa tà tri tà kiến, nên gần gũi chính tri chính kiến. Người xấu xí là do nghiệp chướng quá nặng, giống như A Tu La, tức là chẳng xinh đẹp. Tại sao chẳng xinh đẹp? Vì chúng ưa thích đấu tranh, làm thương hại ngũ quan của người, cho nên khi làm A Tu La thì ngũ quan chẳng xinh đẹp. Khi thấy người biết báo ân đức, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đối với chư Phật Bồ Tát, nên biết ân đức của Phật, ân đức của Bồ Tát. Vậy, Phật Bồ Tát đối với chúng ta có ân đức gì? Trong quá khứ, Phật vì giáo hóa chúng sinh, mà đã từng bố thí đầu mắt tủy não, khiến cho chúng sinh phát bồ đề tâm, sớm thành Phật đạo.

*“Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu ai có thấy nghe
Đều phát tâm bồ đề
Khi xả báo thân này
Đồng sinh về Cực Lạc”.*

Khi thấy người vong ân bội nghĩa, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đối với người có tội ác, thì phải dùng đức để cảm hóa, chứ đừng sinh tâm

báo thù.

Mười quân ma lớn đó là: 1). Dục là quân thứ nhất. 2). Sầu muộn là quân thứ hai. 3). Đói khát là quân thứ ba. 4). Ái là quân thứ tư. 5). Thù miên là quân thứ năm. 6). Sợ hãi là quân thứ sáu. 7). Nghi là quân thứ bảy. 8). Hàm độc là quân thứ tám. 9). Lợi dưỡng là quân thứ chín. 10). Tự cao là quân thứ mười.

Vào lúc ăn cơm thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, lúc ngồi thiền đắc được an vui nhẹ nhàng, lấy sự vui của thiền định làm thức ăn. Ngồi ở đó thì chẳng đói chẳng khát, đắc được niềm vui của pháp tràn trề. Đây là cảnh giới ngồi thiền. Bất cứ là người xuất gia hay tại gia, khi ăn cơm thì phải ba niệm năm quán.

Ba niệm: Đây là lúc múc cơm lên ăn. - Muỗng cơm thứ nhất nói: Nguyện đoạn trừ tất cả điều ác. - Muỗng cơm thứ hai nói: Nguyện tu tất cả điều lành. - Muỗng cơm thứ ba nói: Nguyện độ tất cả chúng sinh.

Năm quán là:

1). Tính công bao nhiêu, từ đâu đến: Nghĩa là tính xem một hạt gạo, phải dùng bao nhiêu công sức mới thu hoạch được? Suy nghĩ nó đến chẳng dễ dàng.

2). Xem đức hạnh của mình thiếu hay đủ thọ cơm này: Phải nghĩ xem đức hạnh của mình có đủ chăng? Thọ người cúng dường tâm có hổ thẹn chăng? Trong Tỳ Ni Mẩu Kinh có nói: “Nếu chẳng ngồi thiền tụng Kinh, chẳng làm việc Phật, Pháp, Tăng, mà thọ của đàn na thì sẽ bị đọa.”

3). Phòng ngừa tâm đừng phạm lỗi, tham là gốc: Phải phòng tâm phòng ý, đừng khởi lỗi lầm tham ăn.

4). Thức ăn là thuốc hay, khiến thân khỏi khô héo: Ăn uống là thuốc hay chữa trị thân hình khô héo, khi ăn thì đừng cầu ngon dở, phải mượn giả tu thật, chỉ vì dưỡng thân để tu Phật đạo. Đó là mục đích ăn cơm.

5). Vì thành đạo nghiệp mới thọ cơm này: Vì cầu Phật pháp, vì thành đạo nghiệp mới dùng cơm. Song, chẳng phải tham ăn. Do đó: “Tham nhiều nhai chẳng nát.” Lãng phí thức ăn thì ngược lại có hại cho thân thể. Cho nên Phật chế ngày ăn một bữa trưa, chẳng những hợp vệ sinh mà còn sống lâu.

Khi ăn cơm xong, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, hết thảy sự việc đều hoàn thành, đầy đủ tất cả Phật pháp. Khi dùng trai xong thì niệm:

*“Những gì thí chủ cho
Đều đắc được lợi ích*

*Nếu vui vẻ bố thí
Sau sẽ được an lạc
Dùng cơm đã xong
Xin nguyện chúng sinh
Sự việc đều xong
Đủ các Phật pháp.”*

Nếu như lúc giảng Kinh thuyết pháp, thì nên phát nguyện. Xin nguyện tất cả chúng sinh, đắc được biện tài vô ngại, vô cùng tận, tuyên nói yếu nghĩa Phật pháp rộng lớn, tức cũng là pháp thâm sâu vi diệu vô thượng. Ở trên là các đại nguyện. Mỗi một nguyện đều vì chúng sinh mà phát, khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích.

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 08.

Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.